

TRƯỜNG SƠN BỎ LẠI SAU LŨNG

Rồi cũng qua hai ngày nôn nao, pha lẫn hồi hộp. Một ngày viết bản tường trình cá nhân buổi sáng, họp với quản giáo và ban quản trại buổi chiều. Ngày thứ nhì nhận quần áo, lương thực, lộ phí đi đường, giấy “Phóng Thích” và nghe “giảng” lần cuối. Sáng nay, 40 tù tàn binh được tập họp để cán bộ kiểm tra hành lý, mục đích là moi tìm xem có thư từ của bạn đồng cảnh nhờ mang về hay không. Cũng may là họ chỉ xét hành trang, không xét người, nên lá thư tay viết vội của bạn đồng cảnh Dương Hồng Phong, vẫn bình yên nằm dưới bàn chân.

Vừa ra khỏi cổng là không ai hện ai, tất cả đều quay lại nhìn nơi mình vừa rời bỏ. Vài nụ cười kèm tiếng thở phào... nhẹ nhõm! Không có lời xì xào hay câu trao đổi. Im lặng! Nhưng không phải là sự im lặng của lo lắng, sợ sệt, hay của lòng cam chịu; như khi lần đầu bị lừa vào trại lao động khổ sai, mang mỹ từ “cải tạo”, mà là thứ im lặng để tận hưởng tự do, cho dù chỉ là thứ tự do tạm bợ; vì trong tờ giấy phóng thích có ghi câu “địa phương chịu trách nhiệm quản lý và giáo dục”.... Nhưng đó là chuyện của tương lai, còn hiện tại thì chúng tôi đã ở bên ngoài vòng rào của nơi có bộ đội CS ngày, đêm ôm súng đứng trên chòi gác.

Toàn cảnh của Trại 4, Tổng Trại 1, thuộc Quân Khu 5 CS, nằm im lìm tăm nắng. Hai dãy “nhà”, nằm hai bên sân bóng chuyền, cũng là sân cò và nơi tập họp ngoài trời. Mỗi bên sân có 10 căn, mỗi căn 25 người. Hôm nay 1/5 “cư dân” sẽ rời trại. Một ngày tuyệt đẹp và cũng là một ngày hăm hở, nôn nao pha lẫn thoáng bùi ngùi của 40 người đang bước dần ra khỏi trại. Cả năm gấn bó với nhau suốt từ các trại tù Hội An, Hòa Cầm rời lên đến miền núi Hiệp Đức này, đủ làm chúng tôi quyến luyến khi chia tay với bạn bè đồng cảnh.

Mặc dù những gì cần nói đã nói hết từ hôm qua, nhưng giờ đây tôi lại có cảm giác mình chưa nói được tất cả những gì còn chất chứa trong lòng. Họ, những đồng cảnh còn phải trả nợ đời trong ngục tù khổ sai; chắc chắn cũng bồi hồi và nôn nao không kém, vì rốt cuộc cũng đã có tia hy vọng ở cuối đường hầm, khi đã có người được thả về đoàn tụ với gia đình. Đây là đợt phóng thích thứ nhì, sau lần thả tù đầu tiên vào dịp Tết, chỉ mới hơn một tháng trước mà thôi.

Giã từ đồng cảnh! Chia tay hôm nay mai này có thể sẽ không có cơ hội gặp lại nhau. Bất giác lòng tôi bồi hồi dậy lên một niềm thương cảm rất nghẹn ngào. Dù sao thì nơi đây cũng đã từng chứng kiến những nhục nhằn mà tù tàn binh đã trải qua. Làm sao quên được những ngày phá rừng, cuộc rầy dưới ánh nắng nung người, hay trong cơn mưa tầm tã. Đói lạnh run người mà vẫn phải “lao động tốt”, để khỏi nghe những lời sỉ vả của mấy tên bộ đội nhóc con kè kè súng chĩa ngang hông. Lệ thương thân, khóc đời cùng tận, hay mô

hôi pha hạt mưa nhòa, mà mắt bỗng cay xè thả vị mặn xuống môi?! Là con người hay nô lệ?! Là ngoại chủng hay đồng bào mà những dần vật, dày xéo, tra tấn tinh thần lẫn thể xác, cứ ngày đêm phủ chụp lên những tàn binh, giờ đã thành tù lao động khổ sai?!

Họ muốn gì khi rùng kể bên không cho mót củi, đốn cây; mà lại bắt tù phải lội vào hang sâu, núi thẳm, nơi đã từng là bản doanh của Sư Đoàn 711 CSBV (đã bị Sư Đoàn 2BB và Biệt Động Quân xóa tên mấy năm trước) để phá hầm, dỡ xà, gỡ cột vác về trại dựng nhà hay để dành chum bếp?! Nếu đường đất lầy lội làm tù tàn binh té lên, té xuống chưa đủ làm cho kẻ coi tù thích chí, hả hê; thì màn lên núi cột mấy thớt gỗ thả xuống suối, rồi từng hai người một, kẻ đẩy, người kéo để chuyển gỗ về trại, chính là bằng chứng hiển nhiên cho sự trả thù của “bên thắng cuộc”.

Trời vào Đông, nước lạnh bầm da, tái thịt mà tù tàn binh ai nấy đều lưng trần, xà lòn, chân không, đạp đá sỏi mà đi, còn đôi dép thì được xỏ dây cần thận đeo trên vai để lội nước cho dễ. Nước uống thì đã có suối, còn hai nắm cơm mang theo chưa tới chỗ, đã không còn một hột. Hành trình bao xa không rõ, nhưng sáng tù tàn binh rời trại khi mặt trời tháng 12 chưa kịp ấm, chiều về đến nơi thì cũng vừa tắt nắng. Giao gỗ cho quân trại xong, là ai nấy đều lo xuống nhà bếp ngồi sưởi cho ấm, rồi bỏ cả ăn để ngủ cho đã vì quá mệt sau một ngày làm bạn với... hà bá.

Cũng may là rừng núi còn thương người khôn cùng nên đọt dương xỉ, lá tàu bay, lá vang và nhứt là rau má, thì hầu như nơi nào cũng có. May mắn cho chúng tôi là vì muốn hành xác những người từng là kẻ thù của mình, nên chúng cứ bắt chúng tôi hết leo núi, lên rừng rút mây, tới gánh gạo, gánh gỗ tận trong vùng Phước Sơn hẻo lánh; nên mọi người mới có dịp sà vào mấy bụi rau má ven đường, bắt kẻ lời hôi thục, hăm dọa hay nạt nộ của bộ đội coi tù; khi chúng tôi bỏ gánh để quơ, bứt cho đã tay rồi mới tiếp tục lên đường.

Những luống rau lang trồng ngay bên ngoài khu trại cũng được để ý rất tận tình, lén lút, hoặc công khai (nhờ toán lao động nhẹ, ngắt đọt mang về chia nhau ăn). Cả khoai mì và cà chua trồng ngay sau “nhà” cũng không kịp ra củ hay trái để giúp tù tàn binh có thêm chất rau tươi qua ngày. Cứ vậy mà nén lòng, cam phận, để chấp nhận hoàn cảnh và chịu đựng khổ hình để gượng sống, rồi hy vọng vào một ngày... như hôm nay!

Nhắc đến cái ăn, mới thấy thâm thía cơn đói của những người “tù binh thời đại” còn tàn độc hơn cả roi đòn, hay bất cứ hành vi thô bạo nào khác. Cơn đói làm cho người tù là người vì kiệt lực, nhưng đồng thời nó cũng làm tinh thần suy sụp và lụn bại đến tận cùng bằng số. Mỗi ngày ăn 3 bữa! Nhưng mỗi bữa chỉ nửa chén cơm lưng, chan nước muối hoặc mắm cá lầy nguyên xi từ thùng thiếc chiết ra.

Đói quá nên con gì nhúc nhích là chúng tôi chộp bắt để ăn. Rắn rết, cóc nhái, chuột núi là cao lương mỹ vị. Đé, thoát đầu là mồi bắt chim khướu, sau trở thành nguồn đạm đỡ lòng. Vào rừng sâu rút mây, đốn gỗ mà gặp được tổ ong thì chẳng khác nào tìm được đồng vàng. Nhắm nháp chút mật trên miếng sáp cũng đủ “phê”; nói chi đến chuyện bỏ nguyên

chú ong con vào miệng, để thấy chất đậm pha với mật ngọt tuyệt vời đến mức không thể tả thành lời, nhứt là với những người tù ốm đói.

Chúng, những kẻ say sưa trên (cái là gọi là) “chiến thắng lịch sử” cứ ngày đêm đòi dạy cho kẻ thất thế những bài học lịch sử và lao động. Nhưng lịch sử thì chỉ quanh quẩn ba mớ giáo điều, hoặc tuyên truyền phóng đại, còn lao động thì chỉ sau vài tháng phá rừng, cuốc đất, đốn cây; thì trại tù trở thành một công viên với đủ loại hoa tìm được trong rừng mang về trồng trước “nhà” hay treo, máng bên trong. Lồng chim để nhốt khướu thì hầu như từ nhà 1 đến 20, nhà nào cũng có một, hai lồng ngay trước cửa để nghe hót thật sướng tai.

Dần dà cán bộ trại cũng lân la “xin” chúng tôi vài cái lồng chim, mang qua bên kia vòng rào để nghe hót cả ngày cho thỏa thích. Cũng vậy, điều cày – loại làm bằng ống tre – vốn là vật bất ly thân của bộ đội CS miền Bắc, đã trở thành sản phẩm thời thượng được cai tù và bộ đội đặt hàng dài dài, cho tù tàn binh có việc để làm. Lý do là vì điều cày do tù tàn binh bỏ công chăm chút gọt, đẽo, “nở” lớn hơn, trông kiểu cách hơn. Thậm chí có người còn khắc, chạm những hình ảnh đẹp mắt, đã khiến cho đám “nón cối” và quân giáo đặt hàng không ngớt. Ngay lúc đó “kẻ chiến thắng” đã mở mắt, nhưng vẫn không muốn (hay không dám) nhìn nhận tù tàn binh miền Nam rõ ràng là hơn hẳn họ về mọi mặt!...

Mãi mê đắm mình trong suy tưởng mà chúng tôi đã ra tới bên xe của quận Hiệp Đức từ lúc nào không biết. Nói là bên cho thuận miệng; chứ thật ra đó chỉ là một bãi đậu xe tro màu đất đỏ với duy nhứt hai gian nhà; căn có nóc là nơi bán vé, còn gian nhà kế bên là khu chờ đợi với lưa thưa vài băng ghế đóng tạm rất sơ sài. Chỉ không đầy nửa giờ là ba chiếc xe đồ Renault của thời Pháp – loại xe chạy liên tỉnh thường được gọi là xe đồ lỗ (camionette), phía sau có một tấm bưng để thêm người đeo, vịn – rề rà tách bến để đưa đợt tù sau cùng ra khỏi quận. Xe cổ lỗ sĩ, người đông, chật chội đến ngộp thở nên một số trong chúng tôi leo lên mui ngồi cho thoáng mát.

Lại thêm một thoáng bùi ngùi khi nhìn lại phía sau lưng, nơi chập chùng nhấp nhô của màu xanh rừng núi. Hôm “nhập trại” trời mưa trút nước. Xe chở tù đóng bạt kín mít và cai tù thì lăm lăm khẩu AK trên tay, sẵn sàng nả đạn. Hôm nay thì trời mây quang đặng như muốn đón mừng những người vừa hưởng chút “không khí tự do”. Một thứ tự do tạm bợ bởi thân phận đích thực của chúng tôi chỉ là một phó thường dân, không hơn, không kém.

Liên tỉnh lộ 535 nối các quận miền núi Quế Sơn, Hiệp Đức với đồng bằng và vùng biển phía đông của tỉnh Quảng Nam đã hoang phế từ lâu, nên lồi lõm đất đá và loang lổ hết mức. Xe chạy như rùa bò, dằn xóc liên tục nhưng hình như không ai sốt ruột. Chúng tôi im lặng nhìn quanh như muốn thu hết cảnh vật của Trường Sơn sau những tháng ngày chỉ biết có núi và rừng. Thỉnh thoảng chỉ có vài câu trao đổi bằng quơ cho có chuyện để nói. Hầu như ai cũng mang một vẻ đăm chiêu, tư lự rất xa xăm.

Có lẽ ai cũng chung một tâm sự như nhau, khi niềm vui sắp được sum họp với gia đình, đang dần dà nhường chỗ cho nỗi lo lắng về một tương lai nhiều bóng tối hơn ánh sáng; khi biết rằng mình vừa ra khỏi nhà tù nhỏ để bước vào loại một loại tù ngục bao la hơn và u tối hơn nhiều. Thì thôi cũng đành! Cuộc đời đã bị đóng khung từ khi nước mắt, nhà tan nên làm gì cũng phải ngậm hờn qua ải. Đã qua được thử thách ban đầu, thì từ hôm nay trở đi cuộc sống có cơ cấu cách mấy, cũng còn có gia đình để nương tựa, có bè bạn và đồng cảnh để ủi an và biết đâu... “không lẽ ta cứ mãi thế này?!”

Rồi cũng ra đến ngã ba Thăng Bình! Quận miền biển nhưng sinh hoạt thị tứ thì lại nằm ngay trên quốc lộ 1. Thăng Bình, quận cực bắc của Quảng Tín ngày xưa vốn nhộn nhịp, sầm uất, nay cũng còn nét rộn ràng của một khu kinh tế hàng đầu của vùng biển Quảng Nam; mặc dù hoạt cảnh có phần thu gọn vào trong các hàng quán dành cho bộ hành và xe cộ trên các hành trình xuôi Nam, ngược Bắc.

Xe chưa kịp vào bến là chúng tôi đã lữ lượt leo xuống để rảo chân đến các quán cơm bình dân ngay ngoài quốc lộ. Bữa cơm đích thực đầu tiên sau một năm cuộc rẫy, phá rừng sao mà ngon hết biết! Ly cà phê và điều thuốc có đầu lọc hiệu President “phê” không kém gì “tép” thuốc Lào đầu tiên trong đời. Hình như không hẹn mà nên, ai cũng muốn tận hưởng chút hạnh phúc đơn giản mà nồng nàn này đến mức tối đa.

Đến bây giờ mới có tiếng rì rào bên câu chuyện trao đổi về việc ai vào Nam, ai ra Bắc. Hiếm hoi lắm mới có người trong Nam kẹt lại như Trần Ngọc Dũng và tôi, nên đa số đều hẹn gặp tại Đà Nẵng, hay trong Tam Kỳ, hoặc Quảng Ngãi. Trong bốn người gắn bó với nhau suốt từ khi có tin được phóng thích, thì anh bạn “Trâu Điên” Trần Ngọc Dũng nhứt định “... Càng về gần Sài Gòn bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu!” nên sau bữa ăn là Dũng hăm hở bắt tay từ giã chúng tôi rồi vọt nhanh ra Quốc lộ 1, để bắt kịp một chiếc xe đò vừa thả người xuống và lấy khách dọc đường.

Chia tay với Dũng “móm” mà trong lòng cũng thấy buồn buồn. Lẽ ra hai đứa nên đi chung với nhau về Sài Gòn cho có bạn, nhưng dù sao thì tôi cũng đã gắn bó với đơn vị suốt hơn 15 tháng tại hậu cứ ở thôn Phú Lộc, xã Hòa Minh; cùng với bao lần ngược xuôi phố phường Đà Nẵng khi được về dưỡng quân, nên vẫn còn những lưu luyến thật sâu lắng trong lòng.

Tình cảm cả ngày hôm nay thật khó diễn đạt cho đúng với tâm trạng còn nhiều bờ ngỡ. Nhưng Sài Gòn thì trước sau gì cũng sẽ là chốn nương thân dài hạn, còn Đà Nẵng thì chỉ cách vài chục cây số. Không trở lại thăm chốn xưa, thì mai này biết bao giờ mới có dịp nhìn lại khung trời kỷ niệm và để nhớ một thời giầy saut, áo trận?! Vì vậy, tôi quyết định cùng với hai bạn gốc Quảng Trị đón xe ngược Bắc. Hôm đó là ngày thứ Bảy 20/03/1976!

HUY VẤN(HVC)

(Ngày Ra Trại/Cuộc Hành Trình)



*Nguồn: Internet eMail by **Huỳnh Văn Cửa** chuyển*

*Đăng ngày Thứ Năm, February 24, 2022
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*